***Ví dụ về mệnh đề HAVING với hàm SUM() trong PostgreSQL***

Hãy cùng xem bảng payment

| **payment\_id** | **customer\_id** | **staff\_id** | **rental\_id** | **amount** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 1 | 1 | 76 | 2.99 |
| 2 | 2 | 1 | 320 | 4.99 |
| 3 | 2 | 1 | 435 | 1.99 |
| 4 | 3 | 1 | 1297 | 4.99 |
| 5 | 4 | 1 | 731 | 0.99 |

Truy vấn sau đây lấy ra tổng số tiền của mỗi khách hàng bằng cách sử dụng mệnh đề GROUP BY:

SELECT customer\_id, SUM(amount)  
FROM payment  
GROUP BY customer\_id;

Kết quả là

| **custome\_id** | **sum** |
| --- | --- |
| 1 | 2.99 |
| 2 | 6.98 |
| 3 | 4.99 |
| 4 | 0.99 |

Bạn có thể áp dụng mệnh đề HAVING để chọn khách hàng duy nhất đã chi hơn 4$ như truy vấn sau:

SELECT customer\_id, SUM(amount) AS sum  
FROM payment  
GROUP BY customer\_id  
HAVING SUM(amount) > 4;

Kết quả là

| **custome\_id** | **sum** |
| --- | --- |
| 2 | 6.98 |
| 3 | 4.99 |